

Số: /GPMT-STNMT

Long An, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 51/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Long An ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An;

Căn cứ Quyết định số 2935/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Long An về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn về thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Long An;

Xét Văn bản số 01/CV/GPMT/2024 ngày 04/4/2024 của Công ty TNHH CJ Foods Việt Nam về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất CJ Foods tại Long An” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH CJ Foods Việt Nam; địa chỉ tại Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1 - Tiến Hùng, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất CJ Foods tại Long An”; địa điểm tại Lô PG-1+P1-1+P2-1 (thuộc nhà xưởng P2), P1-1A (thuộc nhà xưởng mở rộng), P3-2A1+P3-2A2 (thuộc nhà xưởng P1), Đường 1A, khu xưởng Kizuna 3 mở rộng, khu K1, Khu công nghiệp Tân Kim mở rộng, thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất CJ Foods tại Long An.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô PG-1+P1-1+P2-1 (thuộc nhà xưởng P2), P1-1A (thuộc nhà xưởng mở rộng), P3-2A1+P3-2A2 (thuộc nhà xưởng P1), Đường 1A, khu xưởng Kizuna 3 mở rộng, khu K1, Khu công nghiệp Tân Kim mở rộng, thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502236798 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 20/9/2013, thay đổi lần thứ 13 ngày 30/11/2022.

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh với mã số chi nhánh là 3502236798-005 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An đăng ký lần đầu ngày 19/11/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 19/3/2024.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với mã số dự án là 9953782654 do Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Long An chứng nhận lần đầu ngày 01/12/2020, chứng nhận điều chỉnh lần 04 ngày 22/3/2024.

1.4. Mã số thuế: 3502236798.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất kim chi các loại; bánh tráng; bún, phở (tươi, khô); cơm ăn liền; snack bánh gạo rong biển các loại; nước chấm, nước sốt; món ăn, thức ăn chế biến sẵn (chế biến cơm cuộn rong biển, snack rong biển tẩm gia vị các loại, rong biển ăn liền các loại).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Nhà máy sản xuất CJ Foods tại Long An, quy mô 13.156,07 tấn sản phẩm/năm với tổng diện tích 18.285 m² (Hợp đồng số 042/2020/HĐNX-KZN ngày 14/12/2020 kèm Phụ lục 01 (với diện tích 9.636 m², diện tích sân, bãi có mái che 462 m² có hiệu lực thuê từ ngày 14/12/2020 đến ngày 14/02/2026); Phụ lục 04 ngày 03/06/2021 và Phụ lục 05 ký ngày 14/03/2022 (với diện tích 1.074 m² có hiệu lực thuê từ ngày 14/12/2020 đến ngày 14/02/2026; với diện tích 4.952 m² có hiệu lực thuê từ ngày 07/6/2021 đến ngày 06/8/2026; với diện tích 2.161 m² có hiệu lực thuê từ ngày 14/3/2022 đến ngày 06/8/2026) giữa Công ty TNHH CJ Foods Việt Nam và Công ty Cổ phần Kizuna JV).

- Quy mô nhóm dự án: Dự án đầu tư có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tiêu chí về môi trường: Thuộc dự án đầu tư nhóm II quy định tại Mục I.2, Phụ lục IV ban hành kèm Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (Dự án nhóm A và nhóm B có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường).

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Cơm ăn liền: Nguyên liệu (Gạo + Nước sạch) → Sơ chế → Rửa → Hấp → Làm nguội → Đóng gói → Thanh trùng → Thành phẩm.

+ Kim chi các loại: Nguyên liệu (Bắp cải/ Cải thảo/Su hào/...) → Sơ chế → Rửa sạch → Cắt → Ngâm muối → Nguyên liệu sau muối → (1); Phụ liệu (Củ cải trắng/ Hành tây/...) → Sơ chế → Rửa sạch → Cắt → Trộn sốt → (2). Sau đó (1) + (2) → Phôi trộn → Định lượng, đóng gói → Dò X-ray → Thành phẩm.

+ Bánh tráng: Nguyên liệu (Gạo + Nước sạch) → Rửa → Ngâm → Xay → Phôi trộn (Gia vị) → Định hình/ Hấp → Ủ lạnh → Sấy → Đóng gói → Thành phẩm.

+ Bún, phở (tươi, khô): Nguyên liệu (Gạo + Nước sạch) → Rửa → Ngâm → Xay bột → Ủ bột và chắt nước bột → Hấp/ Định hình sợi → (1) hoặc (2); trong đó: (1) → Ủ

lạnh → Sấy → Đóng gói → Thành phẩm (khô) hoặc (2) → Làm nguội → Đóng gói → Thành phẩm (tươi).

+ Snack rong biển ăn liền các loại: Nguyên liệu (Rong biển) → Chọn lọc → Nướng lần 1 → Tẩm dầu → (1) hoặc (2); trong đó: (1) → Tẩm muối → Nướng lần 2 → Đếm số lượng → Cắt → Đóng gói → Thành phẩm (Snack rong biển ăn liền vị truyền thống) hoặc (2) → Nướng lần 2 → Tẩm gia vị → Đếm số lượng → Cắt → Đóng gói → Thành phẩm (Snack rong biển ăn liền vị Wasabi & BBQ).

+ Rong biển ăn liền các loại: Nguyên liệu (Rong biển dạng miếng) → Chọn lọc → Chế biến → Đếm số lượng → Cắt → Đóng gói → Thành phẩm.

+ Nước chấm, nước sốt: Nguyên liệu (Bột mì/ Đậu nành/ Bột ớt đỏ/ Tỏi xay) → Lưu trữ → Sơ chế → Rửa sạch → Cắt → Trộn → Đóng gói → Tiệt trùng → Làm lạnh → Đóng thùng → Thành phẩm.

- Công suất: 13.156,07 tấn/năm (tương đương 60.684.855 sản phẩm/năm); cụ thể:

+ Sản xuất kim chi các loại: 6.900 tấn/năm (tương đương 17.854.000 sản phẩm/năm).

+ Sản xuất bánh tráng: 1.440 tấn/năm (tương đương 720.000 sản phẩm/năm).

+ Sản xuất bún, phở tươi khô: 300 tấn/năm (tương đương 15.000 sản phẩm/năm).

+ Sản xuất cơm ăn liền: 24,07 tấn/năm (tương đương 160.457 sản phẩm/năm).

+ Sản xuất snack bánh gạo rong biển các loại: 65 tấn/năm (tương đương 1.800.667 sản phẩm/năm).

+ Sản xuất nước chấm, nước sốt: 3.977 tấn/năm (tương đương 8.134.731 sản phẩm/năm).

+ Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (chế biến cơm cuộn rong biển, snack rong biển tẩm gia vị các loại, rong biển ăn liền các loại,...): 450 tấn/năm (tương đương 32.000.000 sản phẩm/năm).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH CJ Foods Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH CJ Foods Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm (từ ngày 29/7/2024 đến ngày 28/7/2034).

Điều 4. Giao Phòng Quản lý môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất CJ Foods tại Long An” của Công ty TNHH CJ Foods Việt Nam được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND tỉnh;
- Ban Quản lý khu kinh tế;
- UBND huyện Cần Giuộc;
- UBND thị trấn Cần Giuộc;
- Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý KCN Đặng Huỳnh;
- Công ty Cổ phần KIZUNA JV;
- Công ty TNHH CJ Foods Việt Nam;
- Lãnh đạo Sở;
- Pháp chế Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Trang Thông tin điện tử của Sở TN&MT;
- Lưu: VT, QLMT, Lượng.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Tân Thuận

Phụ lục 1**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày / /2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Tân Kim mở rộng, không xả ra môi trường).

- Đã ký thỏa thuận tiếp nhận nước thải với Công ty Cổ phần Kizuna JV (đơn vị cho thuê nhà xưởng) và Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu công nghiệp Đặng Huỳnh (chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Kim mở rộng và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung) về việc thỏa thuận đầu nối nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải; tiêu chuẩn đầu nối; quan trắc nước thải định kỳ; hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục; biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.1. Mạng lưới thu gom và thoát nước mưa:

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa của Nhà máy đã xây dựng hoàn chỉnh. Nước mưa trên mái nhà xưởng sản xuất, nhà kho, khối văn phòng được thu gom bằng hệ thống máng thu bằng ống nhựa PVC có đường kính Ø168mm đặt sát vách tường dẫn xuống hệ thống thu gom nước mưa bằng ống bê tông cốt thép chịu lực đường kính Ø300mm được lắp đặt bao quanh nhà xưởng, nhà kho và lắp ngầm dưới lòng đất. Hệ thống thu gom nước mưa cục bộ dẫn nước mưa về hệ thống thoát nước mưa của Khu nhà xưởng Kizuna 3 mở rộng thông qua 02 điểm trên Đường 1A với tọa độ: $X_1=1175167$ và $Y_1=0600531$, $X_2=1175203$ và $Y_2=0600528$, sau đó dẫn về hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp Tân Kim mở rộng thông qua 01 điểm trên Đường số 1 với tọa độ: $X=1175157$ và $Y=0600583$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

1.2. Mạng lưới thu gom, xử lý nước thải:

1.2.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom theo hệ thống thu gom nước thải nội bộ tại Nhà máy, cụ thể như sau:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh của công nhân viên được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn, được thu gom dẫn về hồ xử lý cục bộ (lắng và lọc rác của Kizuna bằng đường ống HDPE Ø200mm, chiều dài 280m) sau

đó đầu nối trực tiếp về Module 2 công suất 1.600 m³/ngày.đêm của Khu công nghiệp Tân Kim mở rộng để xử lý đạt quy chuẩn quy định (QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A với $K_q=1,0$ và $K_f=1,0$) trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

+ Nguồn số 02: Nước thải sản xuất tại khu vực xưởng kim chi (rửa nguyên vật liệu trong sản xuất kim chi; vệ sinh máy móc, thiết bị, bồn phối trộn, hộp nhựa, vệ sinh sàn) được thu gom dẫn về hồ xử lý cục bộ dành riêng cho khu vực sản xuất kim chi (lắng và lọc rác của Kizuna bằng đường ống HDPE $\Phi 100\text{mm}$, chiều dài 180m), sau đó đầu nối trực tiếp về Module 2 công suất 1.600 m³/ngày.đêm của Khu công nghiệp Tân Kim mở rộng để xử lý.

+ Nguồn số 03: Nước thải sản xuất tại khu vực khác xưởng kim chi (rửa, ngâm, xay gạo trong sản xuất bánh tráng; rửa, ngâm, xay bột, ủ bột và chắt nước bột trong sản xuất bún, phở (khô, tươi); rửa nguyên vật liệu trong sản xuất nước chấm, nước sốt; rửa nguyên vật liệu trong sản xuất cơm ăn liền; lò hơi; giặt quần áo bảo hộ; vệ sinh máy móc, thiết bị, bồn phối trộn, hộp nhựa, vệ sinh sàn; phòng thí nghiệm) được thu gom dẫn về hồ xử lý cục bộ (lắng và lọc rác của Kizuna bằng đường ống HDPE $\Phi 200\text{mm}$, chiều dài 200m), sau đó đầu nối trực tiếp về Module 2 công suất 1.600 m³/ngày.đêm của Khu công nghiệp Tân Kim mở rộng để xử lý.

+ Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất đầu nối trực tiếp về hồ xử lý cục bộ lắng, lọc rác chung của khu xưởng Kizuna 3 mở rộng dẫn về hệ thống thu gom nước thải của KCN Tân Kim mở rộng tại 02 điểm là hồ ga trên đường số 1 (tọa độ $X_1=1175318$ và $Y_1=0600572$) và 01 hồ ga nằm ở góc đường số 6 (tọa độ $X_2=1175256$ và $Y_2=0600689$) theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^\circ 45'$, múi chiều 3° trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là sông Cần Giuộc.

- Toàn bộ nước thải phát sinh tại Nhà máy (nguồn số 01, 02 và 03) với tổng lưu lượng khoảng 549 m³/ngày.đêm được thu gom rồi đầu nối trực tiếp về hồ xử lý cục bộ lắng, lọc rác chung của khu xưởng Kizuna 3 mở rộng dẫn về hệ thống thu gom nước thải của KCN Tân Kim mở rộng tại 02 điểm là hồ ga trên Đường số 1 (tọa độ: $X_1=1175318$ và $Y_1=0600572$) và 01 hồ ga nằm ở góc Đường số 6 (tọa độ: $X_2=1175256$ và $Y_2=0600689$) theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^\circ 45'$, múi chiều 3° trước khi thải ra nguồn tiếp nhận (Sông Cần Giuộc).

1.2.2. Công nghệ, thiết bị xử lý nước thải:

- Nước thải (Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 3 ngăn + Nước thải sản xuất khác khu vực xưởng kim chi → Tách rác, cặn lớn tại nguồn) → Hồ xử lý cục bộ lắng, lọc rác chung của khu xưởng Kizuna 3 mở rộng → Hệ thống thu gom nước thải của KCN Tân Kim mở rộng → Trạm xử lý nước thải tập trung Module 2 công suất 1.600 m³/ngày.đêm của KCN Tân Kim mở rộng.

- Nước thải sản xuất tại khu vực xưởng kim chi → Tách rác, cặn lớn tại nguồn → Hồ xử lý cục bộ lắng, lọc rác chung của khu xưởng Kizuna 3 mở rộng → Hệ thống thu gom nước thải của KCN Tân Kim mở rộng → Trạm xử lý nước thải tập trung Module 2 công suất 1.600 m³/ngày.đêm của KCN Tân Kim mở rộng.

- Nước muối kim chi phát sinh với lưu lượng khoảng 31 m³/ngày được Công ty thu gom dẫn về HTXL có công suất thiết kế 5 m³/giờ để xử lý trước khi tái sử dụng; quy trình xử lý như sau: Nước muối dư → Bộ lọc cặn thô → Bồn chứa nước muối thu hồi → Hệ thống lọc tinh → Hệ thống khử trùng ozon → Hệ thống lọc tinh → Bồn

sục khí → Bồn chứa nước muối sạch → Tái sử dụng; bọt dư từ Bồn sục khí được thu gom vào bồn chứa có bổ sung nước sạch để hòa tan bọt rồi dẫn về hệ thống thu hồi nước thải kim chi.

1.3. Tiêu chuẩn đầu nổi: Chất lượng nước thải sau khi được xử lý sơ bộ (bể tự hoại 3 ngăn, hồ xử lý cục bộ lắng và lọc rác chung của khu xưởng Kizuna 3 mở rộng) phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy định đầu nổi nước thải của KCN trước khi đầu nổi vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải của KCN Tân Kim mở rộng, cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Tân Kim mở rộng đối với các doanh nghiệp trong khu nhà xưởng KIZUNA (nước thải về Module 2)
1	pH	--	5,5 - 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	1.500
3	COD	mg/L	2.500
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	700
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	10
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	40
7	Tổng nitơ	mg/L	100
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/L	10

1.4. Quan trắc nước thải định kỳ; hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Quan trắc nước thải định kỳ: Không thuộc đối tượng phải thực hiện theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.5. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành theo quy trình, thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ thiết bị.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống thu gom và thoát nước.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống thoát nước.

- Nước thải phát sinh tại nhà máy sau khi xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn đầu nổi của KCN Tân Kim mở rộng sẽ được đầu nổi và dẫn về HTXL nước thải tập trung của KCN Tân Kim mở rộng để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi thải vào nguồn tiếp nhận (Sông Cần Giuộc).

- Công ty Cổ phần Kizuna JV đã lắp đặt thiết bị đo độ mặn tự động để kiểm soát độ mặn tại trạm tiếp nhận nước thải sản xuất kim chi; có lắp đặt van kết nối với bơm nước thải về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Tân Kim mở rộng; trường hợp:

+ Nếu độ mặn ≤ 2.000 mg/L thì van sẽ tự động mở và nước thải tại trạm kim chi sẽ được bơm tự động về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Tân Kim mở rộng.

+ Nếu độ mặn > 2.000 mg/L thì van sẽ tự động khóa và nước thải không được bơm tự động về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Tân Kim mở rộng. Công ty Cổ phần Kizuna JV sẽ thông báo Công ty TNHH CJ Foods Việt Nam tiến hành kiểm tra hệ thống tái sử dụng nước thải kim chi và quá trình sản xuất để xác định nguyên nhân và đề xuất biện pháp khắc phục; sau khi khắc phục và đảm bảo độ mặn ≤ 2.000 mg/L thì van sẽ tự động mở và nước thải tại trạm kim chi sẽ được bơm tự động về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Tân Kim mở rộng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư; bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Công ty Cổ phần Kizuna JV (đơn vị cho thuê nhà xưởng) và Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu công nghiệp Đặng Huỳnh (chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Kim mở rộng và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung); không xả trực tiếp ra môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả của hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của Chủ dự án đầu tư.

- Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày / /2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải từ công đoạn nướng tại máy nướng số 1 khu vực tầng 01 nhà xưởng P1-1.
- Nguồn số 02: Khí thải từ công đoạn nướng tại máy nướng số 2 khu vực tầng 01 nhà xưởng P1-1.
- Nguồn số 03: Khí thải từ công đoạn nướng tại máy nướng số 3 khu vực tầng 01 nhà xưởng P1-1.
- Nguồn số 04: Khí thải từ công đoạn nướng tại máy nướng số 4 khu vực tầng 01 nhà xưởng P1-1.
- Nguồn số 05: Khí thải, bụi từ lò hơi số 1.
- Nguồn số 06: Khí thải, bụi từ lò hơi số 2.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống phát thải của hệ thống xử lý mùi dầu nướng (nguồn số 01-04 tại khu vực tầng 01 nhà xưởng P1-1); tọa độ vị trí xả khí thải: X=1175260 và Y=0600646.
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống khói của lò hơi số 1 (nguồn số 05); tọa độ vị trí xả khí thải: X=1175261 và Y=0600576.
- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với ống khói của lò hơi số 2 (nguồn số 06); tọa độ vị trí xả khí thải: X=1175261 và Y=0600578.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45', múi chiều 3°).

- Vị trí xả bụi, khí thải của HTXL khí thải nằm trong khuôn viên cơ sở tại địa điểm: Lô PG-1 + P1-1 + P2-1 (thuộc nhà xưởng P2), P1-1A (thuộc nhà xưởng mở rộng), P3-2A1 + P3-2A2 (thuộc nhà xưởng P1), đường 1A, khu xưởng Kizuna 3 mở rộng, khu K1, Khu công nghiệp Tân Kim mở rộng, thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 15.300 m³/giờ, trong đó:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả thải khí thải lớn nhất 14.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả thải khí thải lớn nhất 650 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả thải khí thải lớn nhất 650 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục theo thời gian hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải (tương ứng với dòng khí thải số 01) trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn quy định (QCVN 20:2009/BTNMT), cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 20:2009/BTNMT)
1	Lưu lượng	m ³ /h	-
2	Nhiệt độ	°C	-
3	Acrolein	mg/Nm ³	2,5

2.2.3. Quan trắc khí thải định kỳ; hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

- Quan trắc khí thải định kỳ: Không thuộc đối tượng phải thực hiện theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải; biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Nguồn số 01, 02, 03 và 04: Dòng khí lẫn hơi dầu nóng phát sinh từ 04 máy nướng được thu gom qua 02 chụp hút Ø100mm bằng vật liệu SUS 304 nhờ quạt hút theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý khí thải tại dự án để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Mùi dầu nướng → Chụp hút → Ống dẫn → Quạt hút → Lưới lọc Demister → Lốp than hoạt tính → Ống phát thải (đường kính Ø300mm và cao 12m) → Môi trường ngoài. Tại ống phát thải của HTXL khí thải có van xả Ø27mm phía dưới nhằm tránh trường hợp hơi ngưng tụ đọng nước trong ống xả khí thải.

- Công suất thiết kế: 14.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Lưới lọc Demister, than hoạt tính.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng HTXL bụi, khí thải.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ HTXL bụi, khí thải; chuẩn bị thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng.

- Định kỳ kiểm tra thiết bị và thay vật liệu lưới lọc Demister (03 tháng/lần), than hoạt tính (06 tháng/lần); theo dõi quá trình hoạt động bảo đảm hoạt động ổn định của hệ thống.

- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống như:

- + Trong trường hợp thiết bị gặp sự cố, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

- + Giám sát HTXL khí thải thường xuyên để kịp thời phát hiện sự cố có thể xảy ra.

- + Ngưng hoạt động nếu HTXL khí thải không có khả năng xử lý khí thải bảo đảm đạt quy chuẩn môi trường cho phép. Trong trường hợp này, Nhà máy phải điều chỉnh kế hoạch sản xuất, tạm ngừng sản xuất các dây chuyền phát sinh hơi dầu; đồng thời, thực hiện kiểm tra, xác định nguyên nhân. Sau đó thực hiện bảo trì, bảo dưỡng, khắc phục sự cố liên quan đến HTXL khí thải; sau khi khắc phục sự cố, ổn định hoạt động và ổn định chất lượng khí thải đầu ra sau HTXL khí thải mới tiến hành sản xuất bình thường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 8/2024 đến tháng 01/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: HTXL khí thải (hơi dầu nung).

- Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí tại ống phát thải sau HTXL khí thải (hơi dầu nung, tương ứng với dòng khí thải số 01); tọa độ xả khí thải: X=1175260 và Y=0600646 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45', múi chiếu 3°).

- Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý khí thải: Không thuộc đối tượng phải thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải: Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Bố trí vị trí và sàn thao tác để thực hiện đo đạc và lấy mẫu khí thải theo đúng quy định tại Điều 17 Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải của Chủ dự án.

- Trong quá trình vận hành, khi có sự cố, Chủ dự án phải khắc phục ngay lập tức, báo cáo cho cơ quan có chức năng kịp thời xử lý và dừng các hoạt động sản xuất có phát sinh bụi, khí thải; chỉ hoạt động lại các công đoạn phát sinh khí thải khi hệ thống xử lý khí thải đã khắc phục xong. Lập nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra và các biện pháp khắc phục.

- Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.
- Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày / /2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Quạt hút của HTXL mùi dầu nướng khu vực tầng 1 xưởng P1-1.
- Nguồn số 02: Lò hơi số 1 nhà xưởng PG-1.
- Nguồn số 03: Lò hơi số 2 nhà xưởng PG-1.
- Nguồn số 04: Máy nén khí số 1 nhà xưởng PG-1.
- Nguồn số 05: Máy nén khí số 2 nhà xưởng PG-1.
- Nguồn số 06: Máy nén khí số 3 nhà xưởng PG-1.
- Nguồn số 07: Máy giặt đồ bảo hộ lao động tại nhà xưởng P1-1.
- Nguồn số 08: Thiết bị tái sinh nước muối nhà xưởng PG-1.

- Nguồn số 09: Một số máy móc tại quy trình sản xuất như máy cắt cải muối, máy trộn kim chi, máy trộn sốt, máy X-ray, máy ép miệng túi, máy cắt gia vị, băng tải, thiết bị đổ cải muối lên băng tải, máy rửa củ cải, máy dán thùng, máy xay giấm, máy hấp, máy sắn gạo, bộ làm mềm nước, bơm chân không hút nước, máy đánh toi cơm, máy hút hơi, máy dò kim loại, máy retort, máy xay gạo, tủ sấy, máy vo gạo, máy vắt bột, bồn phối trộn, máy định hình bánh tráng, máy đun, máy cắt rong biển, máy đóng gói, máy nêm gia vị, máy ép sóng lá rong biển tại tầng trệt, nhà xưởng PG-1.

- Nguồn số 10: Một số máy móc tại quy trình sản xuất như máy cắt cải muối, máy trộn kim chi, máy trộn sốt, máy X-ray, máy ép miệng túi, máy cắt gia vị, băng tải, thiết bị đổ cải muối lên băng tải, máy rửa củ cải, máy dán thùng, máy xay giấm, máy hấp, máy sắn gạo, bộ làm mềm nước, bơm chân không hút nước, máy đánh toi cơm, máy hút hơi, máy dò kim loại, máy retort, máy xay gạo, tủ sấy, máy vo gạo, máy vắt bột, bồn phối trộn, máy định hình bánh tráng, máy đun, máy cắt rong biển, máy đóng gói, máy nêm gia vị, máy ép sóng lá rong biển tại tầng 1, nhà xưởng P1-1 và P1-1A.

- Nguồn số 11: Một số máy móc tại quy trình sản xuất như máy cắt cải muối, máy trộn kim chi, máy trộn sốt, máy X-ray, máy ép miệng túi, máy cắt gia vị, băng tải, thiết bị đổ cải muối lên băng tải, máy rửa củ cải, máy dán thùng, máy xay giấm, máy hấp, máy sắn gạo, bộ làm mềm nước, bơm chân không hút nước, máy đánh toi cơm, máy hút hơi, máy dò kim loại, máy retort, máy xay gạo, tủ sấy, máy vo gạo, máy vắt bột, bồn phối trộn, máy định hình bánh tráng, máy đun, máy cắt rong biển, máy đóng gói, máy nêm gia vị, máy ép sóng lá rong biển tại tầng 2, nhà xưởng P2-1.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ $X_1=1175273$ và $Y_1=0600551$.
- Nguồn số 02: Tọa độ $X_2=1175261$ và $Y_2=0600576$.

- Nguồn số 03: Toạ độ $X_3=1175261$ và $Y_3=0600578$.
- Nguồn số 04: Toạ độ $X_4=1175256$ và $Y_4=0600535$.
- Nguồn số 05: Toạ độ $X_5=1175256$ và $Y_5=0600536$.
- Nguồn số 06: Toạ độ $X_6=1175257$ và $Y_6=0600538$.
- Nguồn số 07: Toạ độ $X_7=1175286$ và $Y_7=0600523$.
- Nguồn số 08: Toạ độ $X_8=1175232$ và $Y_8=0600523$.
- Nguồn số 09: Toạ độ $X_9=1175257$ và $Y_9=0600542$.
- Nguồn số 10: Toạ độ $X_{10}=1175265$ và $Y_{10}=0600535$.
- Nguồn số 11: Toạ độ $X_{11}=1175244$ và $Y_{11}=0600545$.

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Stt	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường (Tất cả các điểm sát ngoài hàng rào Công ty)

3.2. Độ rung:

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường (Tất cả các điểm sát ngoài hàng rào Công ty)

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất.

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

- Trang bị tai nghe chống ồn cho các công nhân làm việc tại các khu vực phát ra tiếng ồn lớn.
- Áp dụng biện pháp bốc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bốc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.
- Tất cả máy móc thiết bị sản xuất để đúc móng đủ khối lượng, tăng chiều sâu của móng, lắp đặt giá đỡ máy bằng cao su hoặc bê tông và lắp đặt hệ thống giảm ồn.
- Đảm bảo mật độ diện tích trồng cây xanh trong khu vực nhà máy đạt tối thiểu 20% tổng diện tích dự án để giảm lan truyền tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.
- Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.
- Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT) và độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT) và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành.
- Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày / /2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	5
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	170
3	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	12 01 04	27
Tổng khối lượng:				202

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát (Cần áp dụng ngưỡng chất thải nguy hại (hay ngưỡng nguy hại của chất thải) theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật môi trường về ngưỡng chất thải nguy hại để phân định là chất thải nguy hại hoặc chất thải rắn công nghiệp thông thường):

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	230
2	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	70
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	180
4	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	08 02 04	10
5	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	Lỏng	08 02 01	5
6	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ và hữu cơ	Lỏng	19 12 03	130
Tổng khối lượng:				625

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của dự án với khối lượng ước tính khoảng 6.058,2 kg/năm với thành phần chủ yếu là phế phẩm sản xuất (phế phẩm từ quá trình sơ chế nguyên liệu), sản phẩm hư hỏng, cặn dầu thải sau công đoạn tẩm ướp, bao bì, thùng chứa, giấy carton,...

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt tại dự án với khối lượng ước tính khoảng 360 kg/ngày chủ yếu bao gồm chất thải hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...), chất thải vô cơ (bao gồm nylon, vỏ lon, thủy tinh,...).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng HDPE (có nắp đậy), có dán nhãn mã số CTNH và các bao PP chống thấm.

- Khu vực lưu chứa:

- + Diện tích: 12 m².

- + Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa: Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại (CTNH) được bố trí bên trong nhà xưởng PG-1, vách ngăn xung quanh, mái bê tông cốt thép, nền bê tông chống thấm, xung quanh kho chứa chất thải nguy hại có rãnh thoát nước. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã CTNH, thiết bị phòng cháy chữa cháy đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các pallet, các thùng HDPE (có nắp đậy) và các bao PP chống thấm.

- Khu vực lưu chứa:

- + Diện tích: 25 m².

- + Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa: Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường được bố trí bên trong nhà xưởng PG-1, mái bê tông cốt thép, nền bê tông chống thấm, vách ngăn xung quanh che kín nắng mưa, cao độ nền bảo đảm không bị nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, thông gió và chiếu sáng tốt.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng rác nhựa HDPE có nắp đậy.

- Khu vực tập kết: Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 5m² được bố trí bên trong nhà xưởng PG-1, mái bê tông cốt thép, nền bê tông chống thấm, vách ngăn xung quanh che kín nắng mưa, cao độ nền bảo đảm không bị nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, thông gió và chiếu sáng tốt.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Nhà máy, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở và gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới UBND cấp xã và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện theo quy định tại khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày / /2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Thực hiện công trình bảo vệ môi trường và vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường theo đúng quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo đúng quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

3. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

6. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của dự án.

7. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

9. **Chậm nhất là 10 ngày** sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ dự án thực hiện công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở UBND cấp xã nơi hoạt động cơ sở.

10. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của cơ sở về Sở Tài nguyên và Môi trường **trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm** công trình xử lý chất thải để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải về Sở Tài nguyên và Môi trường trong **thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm** công trình xử lý chất thải

11. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định tại Mẫu số 05.A Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT (kỳ báo cáo tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12), báo cáo gửi về trước ngày 15/01 của năm tiếp theo theo Quyết định số 3323/QĐ-BTNMT ngày 01/12/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

12. Chủ cơ sở phải thực hiện thủ tục cấp đổi, điều chỉnh hoặc cấp lại giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.